

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Công văn đề ngày 5/7/2023 của Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắk Lắk “Về việc phê duyệt báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Đắk Lắk”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 198 /TTr-STNMT ngày 12 / 7/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắk Lắk, địa chỉ tại Tiểu khu 564, xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Đắk Lắk” xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Đắk Lắk”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 0315742703, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/6/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/5/2021.

1.4. Mã số thuế của Công ty: 0315742703.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi và sản xuất giống

lợn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích Dự án là 454.071 m<sup>2</sup> (theo Hợp đồng thuê đất số 171/HĐTD ngày 28/12/2020 và Hợp đồng số 169/HĐTD ngày 23/8/2021 giữa UBND tỉnh Đắk Lắk và Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắk Lắk)

- Quy mô: Dự án nhóm B (Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: Nhập khẩu và chăm sóc 2.500 con lợn nái giống hạt nhân (cấp cụ kị)/lứa; 9.000 con lợn giống (cấp ông bà)/lứa; 11.600 con lợn thịt/lứa.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắk Lắk

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cư M'gar tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cư M'gar;
- Công ty CP PTNN công nghệ cao DHN Đắk Lắk (Đ/c: Tiểu khu 564, xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT ( H. 07B)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Cảnh**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt (*gồm nước xám không qua bể tự hoại như nước từ bồn rửa, nhà bếp, nhà ăn, tắm, giặt, vệ sinh sàn và nước đen có qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu*)

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh tại cụm nhà điều hành, nhà ở công nhân (tiếp giáp khu chăn nuôi số 01).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh tại cụm nhà điều hành, nhà ở công nhân (tiếp giáp khu chăn nuôi số 02).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ Cụm nhà phục vụ.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải chăn nuôi

- Nguồn số 04: Nước thải chăn nuôi từ khu chăn nuôi số 01 (phía Tây Nam Dự án, tiếp giáp công vào chính).

- Nguồn số 05: Nước thải chăn nuôi từ khu chăn nuôi số 02 (phía Đông Bắc Dự án).

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nhánh của suối Ea M'Droh.

Nước thải sau xử lý một phần được tuần hoàn, tái sử dụng phục vụ cho hoạt động của Dự án (Bao gồm hoạt động vệ sinh chuồng trại và tưới cho diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án) và một phần xả thải ra nhánh của suối Ea M'Droh (đoạn đi qua Dự án).

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải: 01 dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 450m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

##### 2.3. Vị trí xả nước thải:

- Nhánh của suối Ea M'Droh (đoạn đi qua Dự án) thuộc địa phận xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ vị trí xả thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108<sup>0</sup>03' múi chiều 3<sup>0</sup>*): X = 1429313; Y = 0440537.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật

Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3. Lưu lượng nước thải lớn nhất xả vào nguồn tiếp nhận: 92,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (giám sát bằng đồng hồ đo lưu lượng tại vị trí xả nước thải).

Tổng lượng nước thải của Dự án là 433,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (trong đó lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng cho mục đích vệ sinh chuồng trại là 250 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tái sử dụng để tưới cây trong khuôn viên Dự án là 91 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án được dẫn về lưu tại Hồ chứa nước thải sau xử lý (dung tích là 12.390 m<sup>3</sup>), khi hồ chứa nước sau xử lý đầy, bơm tự động sẽ hoạt động và bơm nước thải theo đường ống dẫn (PVC D250mm, dài 15m) dẫn xả vào nhánh của suối Ea M'Droh.

- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức.

- Chế độ xả thải: Xả gián đoạn.

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 0,9) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng (đầu vào, đầu ra)	-	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	6 – 9 <sup>(1)</sup>		
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	32,4 <sup>(1)</sup>		
4	COD	mg/L	81 <sup>(1)</sup>		
5	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	40,5 <sup>(1)</sup>		
6	Tổng Nitơ (theo N)	mg/L	40,5 <sup>(1)</sup>		
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	3000 <sup>(1)</sup>		
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	≤ 600 <sup>(2)</sup>		
9	Asen (As)	mg/L	≤ 0,1 <sup>(2)</sup>		
10	Cadimi	mg/L	≤ 0,01 <sup>(2)</sup>		

	(Cd)				
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	$\leq 0,002^{(2)}$		
12	Chì (Pb)	mg/L	$\leq 0,05^{(2)}$		
13	<i>E.coli</i>	MPN hoặc CFU/100 mL	$> 200-1.000^{(2)}$		

*Ghi chú:*

- <sup>(1)</sup>: Giá trị giới hạn theo 62-MT:2016/BTNMT (cột A,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 0,9$ );

- <sup>(2)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 01-195:2022/BNNPTNT.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại cụm nhà điều hành, nhà ở công nhân phía Đông Nam Dự án được dẫn theo đường ống nhựa PVC 250 mm (nước đen dẫn vào 02 bể tự hoại 5 ngăn, nước xám được dẫn về 01 bể lọc cát) sau đó theo đường ống dẫn nhựa PVC 250 mm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh tại cụm nhà điều hành, nhà ở công nhân phía Tây Nam Dự án được dẫn theo đường ống nhựa PVC 250 mm (nước đen dẫn vào 03 bể tự hoại 5 ngăn, nước xám được dẫn về 01 bể lọc cát) sau đó theo đường ống dẫn nhựa PVC 250 mm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ cụm nhà phục vụ (nhà ăn) theo đường ống nhựa PVC 250 mm qua bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ, sau đó được dẫn theo đường ống PVC 250 mm vào hệ thống XLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải chăn nuôi từ khu chăn nuôi số 01 được thu gom cùng với phân lợn theo đường ống PVC D250 mm dẫn về các hố thu gom phía cuối mỗi dãy chuồng. Từ hố thu gom, nước thải theo các đường ống PVC D250 mm chảy vào Bể tách phân và Bể thu gom, sau đó tiếp tục theo đường ống PVC D250 mm chảy về Hồ Biogas 2 → Hồ Biogas 3 → Hồ lắng 1 → Hồ lắng 3 → Hồ lắng 2 → HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải chăn nuôi từ khu chăn nuôi số 02 được thu gom cùng với phân lợn theo đường ống PVC D250 mm dẫn về các hố thu gom phía

cuối mỗi dãy chuồng. Từ hố thu gom, nước thải theo các đường ống dẫn PVC D250 mm chảy vào Bể tách phân và Bể thu gom, sau đó tiếp tục theo đường ống PVC D250 mm chảy về Hồ Biogas 1 → Hồ Biogas 3 → Hồ lắng 1 → Hồ lắng 3 → Hồ lắng 2 → HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt**

### *1.2.1. Bể tự hoại 5 ngăn*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước đen từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng (02 ngăn) → Ngăn lọc (02 ngăn) → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế bể tự hoại: Gồm 05 bể tự hoại (kích thước mỗi bể là 5,6m x 2m x 1,8m); kết cấu: xây dựng bằng bê tông, trát chống thấm 02 lớp.

### *1.2.2. Bể tách dầu mỡ*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ Cụm nhà phục vụ (nhà ăn công nhân) được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 02 bể tách dầu mỡ (Kích thước mỗi bể là 1m x 1m x 1,6m); kết cấu: xây dựng bằng bê tông, trát chống thấm 02 lớp.

### *1.2.3. Bể lọc cát*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước xám từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể lọc cát → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 02 bể lọc cát (Kích thước 1,5m x 1,5m x 2m); kết cấu: xây dựng bằng bê tông, trát chống thấm 02 lớp.

## **1.3. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải chăn nuôi (hệ tiền xử lý):**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải chăn nuôi (nước thải từ khu chăn nuôi 01 → hồ Biogas 2 và nước thải từ khu chăn nuôi 02 → hồ Biogas 1) → Hồ Biogas 3 → Hồ lắng 1 → Hồ lắng 3 → Hồ lắng 2 → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Hồ Biogas 1: Kích thước 63m x 33m x 6m; Quy cách: lót đáy và phủ bạt HDPE chống thấm.

- Biogas 2: Kích thước 61m x 37m x 6m; Quy cách: lót đáy và phủ bạt HDPE chống thấm.

- Hồ Biogas 3: Kích thước 59m x 35m x 6m; Quy cách: lót đáy và phủ bạt HDPE chống thấm.

- Hồ lắng 1: Kích thước 59m x 35m x 4,5m; Quy cách: lót đáy bằng bạt HDPE chống thấm.

- Hồ lắng 2: Kích thước 59m x 35m x 4,5m; Quy cách: lót đáy bằng bạt HDPE chống thấm.

- Hồ lắng 3: Kích thước 59 m x 35m x 4,5m; Quy cách: lót đáy bằng bạt HDPE chống thấm.

#### 1.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công suất thiết kế Hệ thống xử lý nước thải: 450 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (Gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi đã qua xử lý sơ bộ) → Bể trung gian → Bể phản ứng → Bể lắng hóa lý 1 → Bể đệm bậc 1 → Bể Anoxic bậc 1 → Bể Aerotank bậc 1 → Bể đệm bậc 2 → Bể Anoxic bậc 2 → Bể Aerotank bậc 2 → Bể lắng bùn sinh học → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Hồ chứa nước sau xử lý.

Nước thải tại hồ chứa nước sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 0,9) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT một phần được tái sử dụng cho hoạt động của trang trại (lưu lượng khoảng 341 m<sup>3</sup>/ngày đêm); phần còn lại (lưu lượng khoảng 92,3 m<sup>3</sup>/ngày) được xả thải vào nhánh của suối Ea M'Droh (có lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại vị trí xả thải vào nhánh suối để giám sát theo quy định).

- Kích thước các bể của Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể trung gian (kích thước 2,3 x 2,3m x 3,4m); Bể phản ứng (kích thước 1,7 x 1,7m x 5,0m); Bể lắng hóa lý (02 bể; kích thước mỗi bể 4,6m x 4,6m x 5,0m); Bể đệm bậc 1 (kích thước 2,5m x 1,7m x 5,0m); Bể đệm bậc 2 (kích thước 1,7m x 1,7m x 5,0m); Bể Anoxic bậc 1 (kích thước 13,0m x 10,0m x 4,5m); Bể Anoxic bậc 2 (kích thước 8,6m x 7,5m x 4,5m); Bể Aerotank bậc 1 (kích thước 22,5m x 13,0m x 4,5m); Bể Aerotank bậc 2 (kích thước 14,4m x 8,6m x 4,5m); Bể lắng bùn sinh học (kích thước 6,0m x 6,0m x 4,5m); Bể điều chỉnh pH (kích thước 2,2m x 1,7m x 4,5m); Bể keo tụ (kích thước 2,2m x 1,7m x 4,5m); Bể tạo bông (kích thước 2,2m x 1,7m x 4,5m); Bể khử trùng (kích thước 6,0m x 2,3m x 4,5m); Hồ chứa nước sau xử lý (kích thước 35,0m x 59,0m x 6,0m).

- Kết cấu các bể xử lý: Được xây dựng bằng bê tông, trát chống thấm 02 lớp; hồ chứa nước sau xử lý được lót đáy bằng bạt HDPE chống thấm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.2 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng hồ sự cố nằm trong khuôn viên Dự án (kích thước 35m x 59m x 6m; lót đáy bằng bạt HDPE chống thấm). Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được lưu chứa tại hồ sự cố, không xả thải ra môi trường; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải trong hồ sự cố được bơm ngược trở về bể trung gian của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý. Trường hợp hệ thống



xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng cần thời gian dài để khắc phục, nước thải phát sinh được lưu chứa tại hồ sự cố, đồng thời tạm dừng hoạt động sản xuất để giảm thiểu nước thải phát sinh; tiến hành khắc phục, sửa chữa và chỉ hoạt động sản xuất trở lại sau khi đã khắc phục xong sự cố của Hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị dự phòng cho Hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo Hệ thống luôn vận hành ổn định (Khi thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng có thể thay thế ngay bằng thiết bị dự phòng).

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, đường ống công nghệ để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi và ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 450 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### *2.2.1. Vị trí lấy mẫu:*

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí, tại bể trung gian của Hệ thống xử lý nước thải

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí, tại hồ chứa nước thải sau xử lý, trước khi xả thải ra nhánh của suối Ea M'Droh.

### *2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắc Lắc phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.2 của Phần A Phụ lục này.

## **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Tần suất quan trắc tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào

và đầu ra của công trình xử lý nước thải); thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Tần suất quan trắc tối thiểu là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp); thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra nhánh của suối Ea M'Droh, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng để giám sát lưu lượng nước thải xả ra nhánh suối theo đúng quy định. Vận hành thường xuyên Hệ thống xử lý nước thải (có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành Hệ thống); định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị máy móc của Hệ thống; trang bị đầy đủ thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi có thiết bị hư hỏng nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của Hệ thống.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắc Lắc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa được xử lý đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023*  
*của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống lò đốt xác lợn (hiệu Addfile SB, công suất đốt 750 kg/giờ).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải: Ống khói lò đốt xác lợn.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 108<sup>0</sup>03' múi chiều 3<sup>0</sup>): X = 1429632; Y = 0440815.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 600 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn qua ống khói (Chỉ xả trong trường hợp vận hành lò đốt).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp QCVN 30:2012/BTNMT (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	100		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	250		
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	250		

*Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ khí thải nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải.*

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ

thống xử lý khí thải: Khí thải sau buồng thứ cấp của lò đốt được dẫn về thiết bị xử lý khí thải (tích hợp tại buồng đốt thứ cấp của lò) để xử lý, sau đó xả thải ra môi trường qua ống khói.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Thiết bị hấp thụ (Sử dụng dung dịch NaOH) → Ống khói (Khí thải đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B).

- Cấu tạo: Thiết bị xử lý khí thải kết cấu bằng Inox, bên trong có bố trí các béc phun dung dịch hấp thụ; ống khói có kết cấu bằng Inox, D350 mm, chiều cao 10 m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH (Hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:** Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### **1.4. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (thiết bị xử lý khí thải là thiết bị đi kèm hệ thống lò đốt đã được nhà sản xuất kiểm định theo quy định).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thu gom triệt để khí phát sinh từ hầm biogas để làm nhiên liệu đốt tại lò đốt xác lợn của Dự án, khí gas dư thừa được đốt bỏ theo quy định, không được xả trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.3. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực chăn nuôi, khu vực lưu chứa chất thải rắn, khu vực xử lý nước thải của Dự án ...) phải được kiểm soát; đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh và quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải của Dự án.

3.5. Công ty Cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắc Lắc chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	12
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	05
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	20
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12
6	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	36
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) kim tiêm, ống chích....	13 02 01	06
8	Chế phẩm không có chất gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải: Thuốc thú y hết hạn ...	13 02 06	07

❖ Ngoài ra, khi có dịch bệnh xảy ra, Dự án sẽ có phát sinh lợn chết do dịch bệnh; khối lượng chất thải cần xử lý tùy thuộc vào lượng lợn chết cần tiêu hủy.

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Phân lợn khô (sau ép)	tấn/ngày	7,91
2	Xác lợn chết thông thường	kg/ngày	50
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	kg/ngày	81,4
4	Chất thải khác (vật dụng chăn nuôi hư hỏng, thay thế).	kg/ngày	10,0

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ngày	10,5

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 07 thùng chứa (loại 50 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại theo quy định).

#### 2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại diện tích 3,0m<sup>2</sup> (kích thước 2,0m x 1,5m) bên cạnh khu nhà thay đồ công nhân của khu chăn nuôi số 01.

- Kết cấu: Nền bê tông, tường bao xung quanh xây bằng gạch, mái lợp tôn tráng kẽm, bên ngoài có dán biển cảnh báo theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Phân lộn sau khi ép được ủ hoai (có bổ sung chế phẩm sinh học), đóng vào bao và lưu chứa trong kho chứa phân.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom vào bể chứa bùn.

**2.2.2. Khu vực lưu chứa:**

- Xây dựng 02 kho chứa phân (tiếp giáp nhà đặt máy tách phân): Kho phân 01 diện tích 189 m<sup>2</sup> (kích thước 15,1m x 12,6m), Kho phân 02 diện tích 186 m<sup>2</sup> (kích thước 15m x 12,4); kết cấu: nền bê tông, khung bằng sắt, mái lợp tôn tráng kẽm.

- Xây dựng 01 bể chứa bùn: Thể tích 109,71 m<sup>3</sup> (kích thước: 5,3m x 4,6m x 4,5m).

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Bố trí thùng chứa (loại 60 lít, có nắp đậy kín) tại các khu vực chức năng của Dự án như khu nhà điều hành, khu nhà ở của công nhân, cụm nhà phục vụ và dọc theo các tuyến đường nội bộ. Cuối mỗi ngày công nhân phụ trách vệ sinh sẽ thu gom về 02 thùng chứa (loại 240 lít, có nắp đậy kín) đặt tại kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt.

**2.3.2. Kho lưu chứa:**

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 7,28 m<sup>2</sup> (kích thước 2,6m x 2,8m) đặt tại khu vực gần lò đốt xác heo.

- Kết cấu: Nền bê tông, tường bao xung quanh xây bằng gạch, mái lợp tôn.

**3. Hoạt động tự xử lý, tái sử dụng chất thải:**

**3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại :** Không có.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định (*Hiện Công ty đang hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Khánh Hòa theo Hợp đồng số 398/22/HĐKT/MTKH ngày 01 tháng 12 năm 2022*)

**3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

3.2.1. Loại chất thải rắn tự xử lý: Xác lợn chết thông thường.

3.2.2. Khối lượng chất thải tự xử lý: Khoảng 50 kg/ngày.

3.2.3. Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý:

- Lò đốt: Công suất 750 kg/m<sup>2</sup>; thể tích buồng đốt 0,65 m<sup>3</sup>; nhiệt độ buồng sơ cấp  $\geq 850$  °C; nhiệt độ buồng thứ cấp  $\geq 1.150$  °C; thời gian cháy tại buồng thứ cấp  $\geq 2$  giờ; nhiên liệu sử dụng là khí biogas hoặc dầu DO (Trong trường hợp không có hoặc không đủ khí biogas phục vụ cho lò đốt).

- Quy trình vận hành lò đốt: Chất thải (xác lợn chết thông thường) được nạp vào buồng sơ cấp để đốt → Xỉ tro được thu gom; khí thải theo đường ống chuyển qua Buồng thứ cấp và được tiếp tục đốt → Tháp hấp thụ → Ống khói → Xả thải ra môi trường (Khí thải đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B).

Xỉ tro được chôn lấp tại khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết của Dự án.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành lò đốt; sự cố bục vỡ đường ống, hệ thống thu hồi khí biogas; sự cố do cháy nổ và sự cố về dịch bệnh trên lợn.

2. Bố trí đường vận chuyển lợn, vận chuyển chất thải riêng biệt; bảo đảm yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường, đồng thời thuận lợi trong việc ra vào, giám sát các công trình xử lý chất thải của Dự án.

3. Bố trí khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh (Diện tích 03 ha tại khu vực trồng cây xanh phía Bắc của Dự án).

4. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các yêu cầu nêu tại Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh về khai thác nước dưới đất của Dự án.

5. Công ty Cổ phần phát triển nông nghiệp công nghệ cao DHN Đắc Lắc có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



#### **Phụ lục 4**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC (nếu có).**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)**

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Việc tái sử dụng nước thải của Dự án phải tuân thủ các quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.